

Bản án số: 20/2023/HS-PT
Ngày: 24/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Phạm Thị Thùy Trang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Lê Minh T, do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2022/HS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Đối với bị cáo:

Lê Minh T (Nam Đàn); sinh năm 1978, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Lối (chết) và bà Nguyễn Thị Xè (chết); Vợ Huỳnh Thị Kim Th; Con có 03 người lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/8/2022 đến nay; (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1978. Địa chỉ: ấp Cẩm Bình, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B: Luật sư Nguyễn Thị Bường và Luật sư Nguyễn Thị M – Văn phòng Luật sư VP thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2019, bà Nguyễn Thị B nhiều lần vay tiền của bị cáo Lê Minh T, trong thời gian vay bà B có trả tiền gốc và tiền lãi suất nhưng không xác định cụ thể số tiền gốc và số tiền lãi đã trả. Ngày 03/7/2021, bà B vay của bị cáo T 1.300.000.000 đồng để kinh doanh mua bán đất và kinh doanh quán cà phê. Ngày 12/8/2021, bà B vay của bị cáo T 5.100.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 108%/năm; bà B đã trả tiền lãi cho bị cáo T 390.000.000 đồng.

Đến ngày 28/9/2021, bà B gọi điện thoại cho bị cáo T và ghi âm lại nội dung nói chuyện về việc tính tiền lãi 48 ngày của số tiền vay 5.100.000.000 đồng là 734.400.000 đồng và việc bà B trả tiền lãi trước cho bị cáo T 390.000.000 đồng, còn nợ 344.400.000 đồng.

Đến khoảng đầu tháng 10/2021, bà B trả thêm tiền lãi cho bị cáo T 100.000.000 đồng, tổng cộng bà B đã trả lãi 490.000.000 đồng của khoản vay 5.100.000.000 đồng được thể hiện trên mặt sau của tờ giấy mượn tiền đề ngày 03/7/2021. Sau đó, bà B không trả tiền gốc và tiền lãi vay cho bị cáo T nên bị cáo T nhiều lần gọi điện thoại cho bà B để đòi tiền nhưng không được.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 08/12/2021, bị cáo T cùng với anh Đặng Trung Hiếu đến nhà của bà B thuộc ấp Cẩm Bình, xã CG, huyện GD, chửi và yêu cầu trả nợ thì bà B trình báo Công an xã CG đến nên bị cáo T và anh Hiếu bỏ về.

Quá trình điều tra, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Bản kết luận giám định số 206 ngày 23/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Chữ ký, chữ viết trên Giấy mượn tiền ngày 03 tháng 7 năm 2021 là của bị cáo Lê Minh T và bà Nguyễn Thị B.

Bản kết luận giám định số 2144 ngày 25/5/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không phát hiện thấy có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong file âm thanh mẫu cần giám định; tiếng nói của nam trong file âm thanh giám định là tiếng nói của bị cáo Lê Minh T; tiếng nói của người nữ trong file âm thanh giám định là của bà Nguyễn Thị B.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Có bảng thống kê kèm theo; 02 giấy mượn tiền và 01 USB chứa đoạn ghi âm được đưa vào hồ sơ vụ án.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh tài sản thể hiện T có đứng tên trong 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Về trách nhiệm dân sự: Bà B yêu cầu T trả lại số tiền lãi vượt quy định là 256.000.000 đồng. Đối với số tiền vay 5.100.000.000 đồng, bà B chỉ đồng ý trả lại 3.000.000.000 đồng. Bị cáo T yêu cầu bà B trả lại số tiền vay 6.430.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 124/2022/HS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ Khoản 2 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) 250.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Tuyên trả tự do bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số seri 1: 357715103784692, số seri 2: 357715104784691, gắn sim số 0963488970, đã qua sử dụng;

Buộc bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) nộp lại số tiền 135.374.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

Buộc bị cáo Lê Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 354.626.000 đồng (ba trăm năm mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị B nộp lại số tiền 5.100.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00021016740 của ngân hàng Agribank chi nhánh huyện GD mệnh giá 250.000.000 đồng đứng tên Huỳnh Thị Kim Thương để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy

định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xác định lại số tiền bà B đã vay của bị cáo T chỉ có 3.000.000.000 đồng, còn lại 2.100.000.000 đồng là tiền lãi và tăng hình phạt tù đối với bị cáo Lê Minh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B thống nhất trình bày: Trong hồ sơ vụ án bị cáo T khai, trong số tiền 5.100.000.000 đồng bà B vay nhiều lần chứ không phải một lần. Đoạn ghi âm bà B nói bị cáo tính hết coi là năm tỷ mấy, bị cáo T nói là năm tỷ một, không nói rõ tiền vốn vay tiền lãi. Do đó số tiền 1.300.000.000 đồng đã được cộng vào thành số tiền 5.100.000.000 đồng, bị cáo T và bà B có vay trả với nhau rất nhiều lần và nhiều năm với nhau nên mới tính toán với nhau thành số tiền 5.100.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc đối với yêu cầu kháng cáo của bà Tuyết. Do bị cáo T đến nhà đòi nợ và đe dọa bà B nên bà B mới kháng cáo đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo T, còn quyền quyết định là của Hội đồng xét xử.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Tuyết, giữ nguyên bản án sơ thẩm, điều chỉnh lại số tiền thu lợi bất chính trong phần nhận định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về hành vi của bị cáo: Do muốn thu lợi cao nên từ ngày 12/8/2021 đến ngày 08/12/2021, bị cáo T đã sử dụng số tiền 5.100.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị B vay tiền với lãi suất 108%/ năm, vượt gấp 5 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính số tiền 354.626.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định số tiền thu lợi bất chính ở phần nhận định của Bản án sơ thẩm là 734.400.000 đồng là có sai sót, phần Quyết định của Bản án sơ thẩm thì chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng với quy định của pháp luật. LỜI khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác. Do đó, hành vi của bị cáo T có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 2 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) 250.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị B đề nghị xác định lại số tiền bà B đã vay của bị cáo T tiền vốn là 3.000.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi cộng dồn thành 5.100.000.000 đồng và đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo Lê Minh T thấy rằng:

Bà B cho rằng số tiền 5.100.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.000.000.000 đồng, tiền lãi là 2.100.000.000 đồng nhưng bà B không có chứng cứ để chứng minh, trong khi đó mặt sau của giấy mượn tiền ngày 03/7/2021 chính bà B ghi ngày 12/8/2021 số tiền bằng chữ năm tỷ một trăm triệu, gửi lãi bốn trăm chín mươi triệu và ký tên. Do đó yêu cầu của bà B và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo tăng hình phạt tù đối với bị cáo Lê Minh T thấy rằng: Căn cứ Điều 65, Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự, bà B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có quyền kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo, do đó không xem xét đối với phần kháng cáo này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp kháng cáo của bà Tuyết. Có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm hình sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B .

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2022/HS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ Khoản 2 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Tuyên trả tự do bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số seri 1: 357715103784692, số seri 2: 357715104784691, gắn sim số 0963488970, đã qua sử dụng;

Buộc bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) nộp lại số tiền 135.374.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

Buộc bị cáo Lê Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 354.626.000 đồng (ba trăm năm mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị B nộp lại số tiền 5.100.000.000 đồng (năm tỷ một trăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00021016740 của ngân hàng Agribank chi nhánh huyện GD mệnh giá 250.000.000 đồng đứng tên Huỳnh Thị Kim Thương để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy

định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Minh T (Nam Đàn) phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 17.731.300 đồng (mười bảy triệu bảy trăm ba mươi một nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. H. GD;
- Chi cục THADS. H. GD;
- Công an H. GD;
- Phòng PV 06 CATTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Hằng

